

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH AN GIANG

Bản án số: **189/2022/DS-PT**

Ngày 30 - 9 - 2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán
tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà.

Các Thẩm phán:

Ông Cao Minh Lễ

Ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 158/2022/TLPT-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2022/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 165/2022/QĐPT-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1973;

1.2 Bà Võ Thị Tường V, sinh năm 1983;

Cùng cư trú: ấp KT, xã KH, huyện CP, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Lưu Qu, sinh năm 1984, nơi cư trú: số 96/6I, khóm ĐT 2, phường MP, thành phố LX, tỉnh AG là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 21/02/2020 (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Bà Nguyễn Thị D (D1), sinh năm 1955 (Vắng mặt);

2.2 Chị Lý Thị Tr, sinh năm 1984 (Vắng mặt);

Cùng cư trú: khóm XB, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh AG.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Ch và bà Võ Thị Tường V là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Ch và bà Võ Thị Tường V ủy quyền cho ông Nguyễn Lưu Qu trình bày:

Do hai bên là mối làm ăn mua bán lúa nếp nhiều lần nên ngày 19/01/2020, ông Ch, bà V và bà D, chị Tr có thỏa thuận mua bán nếp tại kho Tám Tiệm thuộc xã An Nông, huyện Tịnh Biên, việc thỏa thuận mua bán không làm giấy tờ, nội dung thỏa thuận ông Ch và bà V có trách nhiệm giao 1.200 tấn nếp với giá 13.200 đồng/kg, thời hạn giao là ngày 02/02/2020 đến ngày 10/02/2020 giao dứt điểm. Bà D đặt cọc số tiền 600.000.000 đồng, do bà Tr đưa tiền đặt cọc.

Đến ngày 02/02/2020, bà V và ông Ch giao nếp đến kho Tám Tiệm thì bà D chỉ nhận 01 ghe với số lượng 65 tấn trị giá 858.000.000 đồng, còn lại bà D và chị Tr không chịu nhận nên ông Ch và bà V phải bán rẻ cho người khác. Sau nhiều lần bà D và chị Tr trả được số tiền 241.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa trả.

Tại phiên tòa, người đại diện cho nguyên đơn thừa nhận bán số lượng là 65.000 kg nếp với giá 12.940 đồng/kg bằng 841.100.000 đồng và đã trả được số tiền 241.000.000 đồng nên còn nợ số tiền 600.000.000 đồng. Bà V và ông Ch yêu cầu bà D, chị Tr cùng có trách nhiệm trả 600.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm tính từ ngày khởi kiện đến khi xét xử (26/5/2022) là 127.000.000 đồng, tổng cộng: 727.000.000 đồng.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị D (D1) và bà Lý Thị Tr trình bày:

Bà D và ông Ch, bà V làm ăn nhiều lần mua bán nếp, từ ngày 03/01/2020 đến ngày 06/02/2020 giữa bà D và bà V, ông Ch có thực hiện mua bán nếp 11 lần tổng cộng 781.700 kg với nhiều mức giá khác nhau. Trong thời gian mua bán bà D có cho ông Ch, bà V mượn 600.000.000 đồng chia làm 03 lần (lần 01: 250.000.000 đồng; lần 02: 150.000.000 đồng; lần 03: 200.000.000 đồng) để mua nếp bán lại cho bà D và chị Tr để bà D bán lại cho người trên Campuchia lấy lời. Những lần giao nếp trước bà D đã trả tiền đầy đủ nhưng vụ việc tranh chấp giữa bà D và ông Ch, bà V vào lần giao nếp ngày 06/02/2020 là 65.000 kg (01 ghe nếp) với giá 12.940 đồng/kg (65.000kg x 12.940 đồng = 841.100.000 đồng), bà D nhận nếp đã trừ số tiền nợ trước đây là 600.000.000 đồng và không tiếp tục lấy nếp do nếp xấu và lộn gạo, còn lại số tiền 241.000.000 đồng đã trả tại cửa khẩu Campuchia cho ông Ch. Trong thời gian mua bán, bà D và ông Ch, bà V không có thỏa thuận việc mua bán về số lượng, khi nào cần nếp bà D liên hệ với bà V, ông Ch giao nếp với giá theo thời điểm hiện tại của mỗi lần mua, không có làm bất cứ hợp đồng mua bán hay giấy tờ nào. Còn chị Tr chỉ là người viết sổ sách và rút tiền ngân hàng trả cho ông Ch, bà V chứ không tham gia vào việc mua bán.

Bà D và chị Tr không đồng ý trả số tiền 617.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm kể từ ngày khởi kiện đến khi giải quyết xong như yêu cầu của bà V và ông Ch.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2022/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ch và bà Võ Thị Tường V.

Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn Ch và bà Võ Thị Tường V phải chịu 33.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 14.340.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự chị V và anh Ch đã nộp theo Biên lai thu số 0009168 ngày 05/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên. Ông Ch và bà V phải nộp thêm 18.660.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị D (D1) và chị Lý Thị Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07 tháng 6 năm 2022 ông Nguyễn Văn Ch và bà Võ Thị Tường V nộp Đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2022/DS-ST ngày 26/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ch và bà Võ Thị Tường V; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 26/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên. Ông Ch và bà V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn Ch và bà Võ Thị Tường V kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên đủ

cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Ch và bà V theo trình tự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Văn Ch và bà Võ Thị Tường V ủy quyền cho ông Nguyễn Lưu Qu theo Giấy ủy quyền ngày 21/02/2020. Sự ủy quyền của các đương sự phù hợp với Điều 138 và Điều 140 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị D (D1) và chị Lý Thị Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Ch và bà Võ Thị Tường V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2022/DS-ST ngày 26/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về kháng cáo của ông Ch và bà V trình bày vào ngày 19/01/2020 ông Ch, bà V và bà D, chị Tr có thỏa thuận ông Ch và bà V bán cho bà D, chị Tr 1.200 tấn nếp với giá 13.200 đồng/kg, thời hạn giao nếp từ ngày 02/02/2020 đến ngày 10/02/2020 là dứt điểm, địa điểm giao nhận nếp tại kho Tám Tiệm, xã An Nông, huyện Tịnh Biên. Quá trình mua bán bà D và chị Tr chỉ nhận 01 ghe nếp trọng lượng 65.000 kg trị giá 12.940 đồng/kg bằng 841.100.000 đồng. Bà D đã đặt cọc cho ông Ch, bà V số tiền 600.000.000 đồng. Do nếp rút giá nên bà D, chị Tr không nhận số nếp còn lại như đã thỏa thuận. Sau nhiều lần yêu cầu thanh toán tiền bà D, chị Tr chỉ thanh toán cho ông Ch số tiền 241.000.000 đồng tại cửa khẩu Campuchia thì ngưng. Ông Ch và bà V yêu cầu bà D (D1) và chị Tr cùng có nghĩa vụ thanh toán số tiền 600.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm tính từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử với số tiền 127.000.000 đồng. Do bà D, chị Tr vi phạm thỏa thuận mua bán số nếp còn lại nên số tiền 600.000.000 đồng đặt cọc coi như mất cọc.

Bà D và chị Tr thừa nhận có mua nếp của ông Ch, bà V nhiều lần mà không thỏa thuận về số lượng nếp, hai bên chỉ thỏa thuận khi nào cần mua nếp thì bà D liên hệ với ông Ch, bà V để giao nếp, giá cả và chất lượng nếp tùy theo mỗi lần giao. Trong quá trình làm ăn, bà D có cho ông Ch, bà V mượn số tiền 600.000.000 đồng để mua nếp bán lại cho bà D nên ngày 06/02/2020 bà D đã mua của ông Ch, bà V 65.000 kg nếp với giá 12.940 đồng/kg bằng 841.100.000 đồng. Sau khi nhận nếp, bà D đã trừ số tiền 600.000.000 đồng và thanh toán số tiền 241.000.000 đồng cho ông Ch tại cửa khẩu Campuchia. Bà D và chị Tr không đồng ý thanh toán số tiền 600.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm theo yêu cầu của ông Ch và bà V.

Xét thấy, ông Ch và bà V cho rằng do bà D, chị Tr không tiếp tục mua nếp nên bị mất cọc số tiền 600.000.000 đồng nhưng bà D, chị Tr không thừa

nhận và ông Ch, bà V không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh hai bên có thỏa thuận nếu bà D, chị Tr không tiếp tục mua nẹp thì bị mất cọc số tiền 600.000.000 đồng. Lời khai của ông Tạ Phước Trung và bà Nguyễn Thị Ngọc Bích là người làm chứng cho biết các ông bà không chứng kiến việc thỏa thuận mua bán, đặt cọc giữa bà V, ông Ch và bà D, chị Tr. Do đó, có cơ sở xác định số tiền 600.000.000 đồng do bà D, chị Tr giao cho ông Ch, bà V là số tiền trả trước để mua nẹp. Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ch, bà V yêu cầu bà D, chị Tr thanh toán số tiền 600.000.000 đồng và lãi 127.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Các phần khác của bản án sơ thẩm các đương sự không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị nên được giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ch và bà V. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2022/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên như đã nhận định trên và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Ông Ch và bà V đều kháng cáo nhưng cấp sơ thẩm hướng dẫn nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là chưa phù hợp với Điều 28 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên đề nghị cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Yêu cầu kháng cáo của ông Ch và bà V không được chấp nhận nên ông Ch, bà V mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Án phí được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp nên ông Ch, bà V còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 308, Điều 315 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ch và bà Võ Thị Tường V. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2022/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Ch và bà Võ Thị Tường V yêu cầu bà Nguyễn Thị D (D1) và chị Lý Thị Tr phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 727.000.000 đồng (Gốc 600.000.000 đồng và lãi 127.000.000 đồng).

4. Về án phí:

4.1 Ông Nguyễn Văn Ch và bà Võ Thị Tường V phải chịu 33.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào 14.340.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009168 ngày 05/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên nên ông Ch và bà V còn phải nộp thêm 18.660.000 đồng.

4.2 Ông Nguyễn Văn Ch và bà Võ Thị Tường V mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Án phí được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số 0007719 ngày 08/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên nên ông Ch và bà V còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.Tịnh Biên;
- TAND H.Tịnh Biên
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Minh Lễ

Đào Chí Keo

Trần Thị Thúy Hà